

DỰ THẢO 5

LUẬT

SỬA ĐỔI, BỔ SUNG MỘT SỐ ĐIỀU CỦA LUẬT GIÁO DỤC

Căn cứ Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;

Quốc hội ban hành Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật giáo dục số 38/2005/QH11 của Quốc hội đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 44/2009/QH12.

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật giáo dục số 38/2005/QH12 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 44/2009/QH12

1. Sửa đổi, bổ sung Điều 2 như sau:

“Điều 2. Mục tiêu giáo dục

Mục tiêu giáo dục là nhằm phát triển toàn diện con người Việt Nam có đạo đức, tri thức, sức khỏe, thẩm mỹ và nghề nghiệp, trung thành với lý tưởng độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội; hình thành và bồi dưỡng nhân cách, phẩm chất và năng lực của công dân; phát huy tốt nhất tiềm năng, khả năng sáng tạo của mỗi cá nhân đáp ứng yêu cầu của sự nghiệp xây dựng, bảo vệ Tổ quốc và yêu cầu hội nhập quốc tế.”.

2. Sửa đổi, bổ sung Điều 4 như sau:

“Điều 4. Hệ thống giáo dục quốc dân

1. Hệ thống giáo dục quốc dân là hệ thống giáo dục mở, liên thông, gồm giáo dục chính quy và giáo dục thường xuyên.

2. Các cấp học và trình độ đào tạo của hệ thống giáo dục quốc dân bao gồm:

a) Giáo dục mầm non gồm nhà trẻ và mẫu giáo;

b) Giáo dục phổ thông gồm cấp tiểu học, cấp trung học cơ sở và cấp trung học phổ thông;

c) Giáo dục nghề nghiệp đào tạo trình độ sơ cấp, trình độ trung cấp, trình

độ cao đẳng và các chương trình đào tạo nghề nghiệp khác;

d) Giáo dục đại học đào tạo trình độ trình độ đại học, trình độ thạc sĩ và trình độ tiến sĩ.

3. Hệ thống giáo dục mở đảm bảo cho mọi người đều có cơ hội được tiếp cận giáo dục và học tập suốt đời.

4. Liên thông trong giáo dục tạo điều kiện cho người học sử dụng kết quả học tập đã có để tiếp tục học lên cấp học cao hơn, trình độ đào tạo cao hơn cùng ngành đào tạo hoặc giúp người học chuyển sang ngành đào tạo hay trình độ đào tạo khác; chuyển đổi hình thức giáo dục trong quá trình học tập với yêu cầu, nội dung tương ứng.

5. Chuẩn đầu ra của các trình độ đào tạo trong hệ thống giáo dục quốc dân được quy định trong Khung trình độ quốc gia do Thủ tướng Chính phủ ban hành”.

3. Sửa đổi, bổ sung Điều 5 như sau:

“Điều 5. Yêu cầu về nội dung, phương pháp giáo dục

1. Nội dung giáo dục phải bảo đảm tính cơ bản, toàn diện, thiết thực, hiện đại, có hệ thống, mở và liên thông; coi trọng giáo dục tư tưởng, phẩm chất đạo đức và ý thức công dân; kế thừa và phát huy truyền thống tốt đẹp, bản sắc văn hóa dân tộc, tiếp thu tinh hoa văn hóa nhân loại; phù hợp với sự phát triển về tâm sinh lý lứa tuổi của người học.

2. Phương pháp giáo dục phải phát huy tính tích cực, tự giác, chủ động, tư duy sáng tạo của người học; bồi dưỡng cho người học năng lực tự học và hợp tác, khả năng thực hành, lòng say mê học tập và ý chí vươn lên”.

4. Sửa đổi, bổ sung khoản 1, khoản 2 và khoản 4 Điều 6 như sau:

a) Sửa đổi, bổ sung khoản 1 và khoản 2 như sau:

“1. Chương trình giáo dục thể hiện mục tiêu giáo dục; quy định yêu cầu cần đạt về phẩm chất và năng lực, phạm vi và cấu trúc nội dung giáo dục, phương pháp và hình thức tổ chức hoạt động giáo dục, cách thức đánh giá kết quả giáo dục đối với các môn học ở mỗi lớp, mỗi cấp học; các môn học, mô đun, ngành học đối với từng trình độ đào tạo.

2. Chương trình giáo dục phải bảo đảm tính khoa học và thực tiễn; kế thừa

giữa các cấp học và trình độ đào tạo; tạo điều kiện cho sự phân luồng, liên thông, chuyển đổi giữa các trình độ đào tạo, ngành đào tạo và hình thức giáo dục trong hệ thống giáo dục quốc dân; tạo điều kiện để địa phương và cơ sở giáo dục chủ động triển khai chương trình giáo dục; là cơ sở bảo đảm chất lượng giáo dục toàn diện; đáp ứng yêu cầu hội nhập quốc tế.”

b) Sửa đổi, bổ sung khoản 4 như sau:

“4. Chương trình giáo dục được tổ chức thực hiện theo năm học đối với giáo dục mầm non và giáo dục phổ thông; theo năm học hoặc hình thức tích lũy tín chỉ, mô đun đối với giáo dục nghề nghiệp, giáo dục đại học.

Kết quả học tập môn học hoặc tín chỉ, mô đun mà người học tích lũy được khi theo học một chương trình giáo dục được công nhận để xem xét về giá trị chuyển đổi cho môn học hoặc tín chỉ, mô đun tương ứng trong chương trình giáo dục khác khi người học chuyển ngành nghề đào tạo, chuyển hình thức học tập hoặc học lên ở cấp học, trình độ đào tạo cao hơn.

Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo theo thẩm quyền quy định việc thực hiện chương trình giáo dục theo hình thức tích lũy tín chỉ, việc công nhận để xem xét về giá trị chuyển đổi kết quả học tập môn học hoặc tín chỉ.”.

5. Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 8 như sau:

“1. Văn bằng của hệ thống giáo dục quốc dân được cấp cho người học sau khi tốt nghiệp cấp học hoặc sau khi hoàn thành chương trình đào tạo, đạt chuẩn đầu ra của bậc trình độ tương ứng theo quy định của Luật này.

Văn bằng của hệ thống giáo dục quốc dân gồm bằng tốt nghiệp trung học cơ sở, bằng tốt nghiệp trung học phổ thông, bằng trung cấp, bằng cao đẳng, bằng cử nhân, bằng thạc sĩ, bằng tiến sĩ.”.

6. Sửa đổi, bổ sung khoản 3 Điều 11 như sau:

“3. Gia đình, người giám hộ có trách nhiệm tạo điều kiện cho các thành viên của gia đình trong độ tuổi quy định được học tập để đạt trình độ giáo dục phổ cập.”.

7. Sửa đổi, bổ sung Điều 18 như sau:

“Điều 18. Nghiên cứu khoa học

1. Nhà nước tạo điều kiện cho nhà trường và cơ sở giáo dục khác tổ chức

nghiên cứu, ứng dụng, chuyển giao kết quả nghiên cứu khoa học, công nghệ; kết hợp đào tạo với nghiên cứu khoa học và sản xuất nhằm nâng cao chất lượng giáo dục, từng bước xây dựng nhà trường, cơ sở giáo dục thành trung tâm văn hóa, khoa học, công nghệ của địa phương hoặc của cả nước.

2. Nhà trường và cơ sở giáo dục khác phối hợp với tổ chức nghiên cứu khoa học, cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ trong việc đào tạo, nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ, phục vụ phát triển kinh tế - xã hội.

3. Nhà nước có chính sách ưu tiên phát triển nghiên cứu, ứng dụng và chuyển giao tri thức khoa học. Các chủ trương, chính sách về giáo dục phải được xây dựng trên cơ sở kết quả nghiên cứu khoa học phù hợp với thực tiễn Việt Nam và xu hướng quốc tế.”.

8. Sửa đổi, bổ sung Điều 22 như sau:

“Điều 22. Mục tiêu của giáo dục mầm non

Mục tiêu của giáo dục mầm non nhằm phát triển về thể chất, tình cảm, trí tuệ, thẩm mỹ, hình thành những yếu tố ban đầu của nhân cách để chuẩn bị cho trẻ em vào học lớp một.”.

9. Sửa đổi, bổ sung Điều 25 như sau:

“Điều 25. Cơ sở giáo dục mầm non

1. Nhà trẻ, nhóm trẻ độc lập nhận trẻ em từ ba tháng tuổi đến ba tuổi.
2. Trường mẫu giáo, lớp mẫu giáo độc lập nhận trẻ từ ba tuổi đến sáu tuổi.
3. Trường mầm non, nhóm lớp mầm non độc lập là cơ sở giáo dục kết hợp nhà trẻ và mẫu giáo, nhận trẻ em từ ba tháng tuổi đến sáu tuổi.”.

10. Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 26 như sau:

“1. Giáo dục phổ thông được chia thành giai đoạn giáo dục cơ bản và giáo dục định hướng nghề nghiệp. Giai đoạn giáo dục cơ bản gồm cấp tiểu học và cấp trung học cơ sở; giai đoạn giáo dục định hướng nghề nghiệp là cấp trung học phổ thông.

a) Giáo dục tiểu học được thực hiện trong năm năm học, từ lớp một đến hết lớp năm. Tuổi của học sinh vào học lớp một là sáu tuổi;

b) Giáo dục trung học cơ sở được thực hiện trong bốn năm học, từ lớp sáu đến hết lớp chín. Học sinh vào học lớp sáu phải hoàn thành chương trình tiểu học.

Tuổi của học sinh vào học lớp sáu là mười một tuổi.

Sau khi hoàn thành chương trình giáo dục trung học cơ sở, học sinh có thể học tiếp lên trung học phổ thông hoặc theo học các chương trình đào tạo trình độ sơ cấp, trung cấp và các chương trình đào tạo nghề nghiệp khác.

c) Giáo dục trung học phổ thông được thực hiện trong ba năm học, từ lớp mười đến hết lớp mười hai. Học sinh vào học lớp mười phải có bằng tốt nghiệp trung học cơ sở. Tuổi của học sinh vào học lớp mười là mười lăm tuổi. Học sinh tốt nghiệp trung học phổ thông có thể học lên đại học hoặc theo học các chương trình đào tạo nghề nghiệp”.

11. Sửa đổi, bổ sung Điều 27 như sau:

“Điều 27. Mục tiêu của giáo dục phổ thông

1. Mục tiêu của giáo dục phổ thông là nhằm phát triển toàn diện về đạo đức, trí tuệ, thể chất, thẩm mỹ và các kỹ năng cơ bản, phát triển năng lực cá nhân, tính năng động và sáng tạo, hình thành nhân cách con người Việt Nam xã hội chủ nghĩa và trách nhiệm công dân; chuẩn bị cho học sinh tiếp tục học lên đại học hoặc theo học các chương trình đào tạo nghề nghiệp; phát triển khả năng tự học và học tập suốt đời hoặc tham gia vào cuộc sống lao động, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

2. Giáo dục tiểu học nhằm hình thành những cơ sở ban đầu cho sự phát triển về đạo đức, trí tuệ, thể chất, thẩm mỹ, năng lực của học sinh; chuẩn bị cho học sinh tiếp tục học lên trung học cơ sở.

3. Giáo dục trung học cơ sở nhằm củng cố và phát triển những kết quả của giáo dục tiểu học; bảo đảm cho học sinh có học vấn phổ thông nền tảng và những hiểu biết ban đầu về kỹ thuật và hướng nghiệp để tiếp tục học trung học phổ thông, trung cấp, học nghề hoặc tham gia vào cuộc sống lao động.

4. Giáo dục trung học phổ thông nhằm bảo đảm cho học sinh củng cố và phát triển những kết quả của giáo dục trung học cơ sở; hoàn thiện học vấn phổ thông và có những hiểu biết thông thường về kỹ thuật và hướng nghiệp, có điều kiện phát huy năng lực cá nhân để lựa chọn hướng phát triển, tiếp tục học đại học, cao đẳng, trung cấp, học nghề hoặc tham gia vào cuộc sống lao động.”.

12. Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 28 như sau:

“2. Phương pháp giáo dục phổ thông phải phát huy tính tích cực, tự giác,

chủ động, sáng tạo của học sinh phù hợp với đặc trưng từng môn học, lớp học và đặc điểm đối tượng học sinh; bồi dưỡng phương pháp tự học, hứng thú học tập, kỹ năng hợp tác, khả năng tư duy độc lập; phát triển toàn diện phẩm chất và năng lực của người học; tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin và truyền thông vào quá trình giáo dục.”.

13. Sửa đổi, bổ sung Điều 29 như sau:

“Điều 29. Chương trình giáo dục phổ thông, sách giáo khoa

1. Chương trình giáo dục phổ thông thể hiện mục tiêu giáo dục phổ thông; quy định những yêu cầu về phẩm chất và năng lực của học sinh cần đạt được sau mỗi cấp học, những nội dung giáo dục bắt buộc đối với tất cả học sinh trên phạm vi cả nước; phương pháp và hình thức tổ chức hoạt động giáo dục, cách thức đánh giá kết quả giáo dục đối với các môn học ở mỗi lớp và mỗi cấp học của giáo dục phổ thông. Chương trình giáo dục phổ thông thống nhất trong cả nước và được tổ chức thực hiện linh hoạt.

Sách giáo khoa cụ thể hóa các yêu cầu của chương trình giáo dục phổ thông về nội dung giáo dục, yêu cầu về phẩm chất và năng lực học sinh; định hướng về phương pháp giáo dục và cách thức kiểm tra, đánh giá chất lượng giáo dục.

Có một số sách giáo khoa cho mỗi môn học; thực hiện xã hội hóa việc biên soạn sách giáo khoa.

2. Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành chương trình giáo dục phổ thông; phê duyệt sách giáo khoa để sử dụng trong dạy và học ở các cơ sở giáo dục phổ thông trên cơ sở thẩm định của Hội đồng quốc gia thẩm định chương trình giáo dục phổ thông và sách giáo khoa; quy định tiêu chuẩn, quy trình biên soạn, chỉnh sửa chương trình giáo dục phổ thông và sách giáo khoa; quy định nhiệm vụ, quyền hạn, phương thức hoạt động, tiêu chuẩn, số lượng và cơ cấu thành viên của Hội đồng quốc gia thẩm định chương trình giáo dục phổ thông và sách giáo khoa; hướng dẫn việc lựa chọn sách giáo khoa trong các cơ sở giáo dục phổ thông; chịu trách nhiệm về chất lượng chương trình giáo dục phổ thông và sách giáo khoa.”.

14. Bổ sung Mục 2a sau Mục 2 như sau:

“MỤC 2a. GIÁO DỤC NGHỀ NGHIỆP”

15. Bổ sung Điều 31a sau Điều 31:

“Điều 31a. Giáo dục nghề nghiệp

Các quy định cụ thể đối với giáo dục nghề nghiệp được thực hiện theo quy định của Luật giáo dục nghề nghiệp.”

16. Sửa đổi, bổ sung Điều 38 như sau:

“Điều 38. Giáo dục đại học

Giáo dục đại học là giáo dục các trình độ sau trung học phổ thông và tương đương để được cấp bằng trong hệ thống giáo dục quốc dân bao gồm các trình độ đại học, thạc sĩ, tiến sĩ.”

17. Sửa đổi, bổ sung Điều 39 như sau:

“Điều 39. Mục tiêu của giáo dục đại học

1. Đào tạo nhân lực trình độ cao, nâng cao dân trí, bồi dưỡng nhân tài; nghiên cứu khoa học, công nghệ tạo ra tri thức, sản phẩm mới, phục vụ yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh và hội nhập quốc tế.

2. Đào tạo người học phát triển toàn diện về đức, trí, thể, mỹ; có tri thức, kỹ năng, trách nhiệm nghề nghiệp; có khả năng nắm bắt tiến bộ khoa học và công nghệ tương xứng với trình độ đào tạo, khả năng tự học, sáng tạo, thích nghi với môi trường làm việc; có tinh thần lập nghiệp, có ý thức phục vụ nhân dân.”

18. Bổ sung Điều 39a sau Điều 39 như sau:

“Điều 39a. Tổ chức và hoạt động giáo dục đại học

Tổ chức và hoạt động giáo dục đại học được thực hiện theo quy định của Luật giáo dục và các quy định chi tiết trong Luật giáo dục đại học.”

19. Sửa đổi, bổ sung Điều 44 như sau:

“Điều 44. Giáo dục thường xuyên

Giáo dục thường xuyên tạo điều kiện cho mọi người vừa làm vừa học, học liên tục, học suốt đời nhằm hoàn thiện nhân cách, mở rộng hiểu biết, nâng cao trình độ học vấn, chuyên môn, nghiệp vụ để cải thiện chất lượng cuộc sống, tìm việc làm, tự tạo việc làm và thích nghi với đời sống xã hội.

Nhà nước có chính sách phát triển giáo dục thường xuyên, thực hiện giáo dục cho mọi người, thúc đẩy việc học tập của người lớn, xây dựng xã hội học tập”.

20. Sửa đổi, bổ sung khoản 1 và 2 Điều 45 như sau:

“1. Nội dung giáo dục thường xuyên được thể hiện trong các chương trình

sau đây:

- a) Chương trình xóa mù chữ;
- b) Chương trình giáo dục đáp ứng yêu cầu của người học; cập nhật kiến thức, kỹ năng, chuyển giao công nghệ;
- c) Chương trình đào tạo, bồi dưỡng nâng cao năng lực nghề nghiệp;
- d) Chương trình giáo dục để được cấp văn bằng của hệ thống giáo dục quốc dân.

2. Các hình thức thực hiện chương trình giáo dục thường xuyên để được cấp văn bằng của hệ thống giáo dục quốc dân bao gồm:

- a) Vừa làm vừa học;
- b) Học từ xa;
- c) Tự học, tự học có hướng dẫn.”.

21. Sửa đổi, bổ sung khoản 1, khoản 2 và khoản 4 Điều 46 như sau:

a) Sửa đổi, bổ sung khoản 1 và khoản 2 như sau:

“1. Cơ sở giáo dục thường xuyên bao gồm:

- a) Trung tâm giáo dục thường xuyên;
- b) Trung tâm giáo dục – dạy nghề;
- c) Trung tâm học tập cộng đồng;
- d) Trung tâm ngoại ngữ, tin học.

Cơ sở giáo dục thường xuyên được tổ chức theo loại hình công lập và ngoài công lập.

2. Chương trình giáo dục thường xuyên còn được thực hiện tại các cơ sở giáo dục phổ thông, cơ sở giáo dục nghề nghiệp, cơ sở giáo dục đại học, cơ sở văn hóa, tại nơi làm việc, cộng đồng dân cư và thông qua các phương tiện truyền thông đại chúng”.

b) Sửa đổi, bổ sung khoản 4 như sau:

“4. Cơ sở giáo dục phổ thông, cơ sở giáo dục nghề nghiệp, khi thực hiện các chương trình giáo dục thường xuyên phải bảo đảm nhiệm vụ giáo dục, đào tạo của mình, chỉ thực hiện chương trình giáo dục quy định tại điểm d khoản 1 Điều 45 của Luật này khi được cơ quan quản lý nhà nước về giáo dục có thẩm

quyền cho phép. Cơ sở giáo dục đại học chỉ được liên kết đào tạo trình độ đại học theo hình thức vừa làm vừa học, học từ xa với cơ sở giáo dục đại học, trường cao đẳng, trường trung cấp, trung tâm giáo dục thường xuyên cấp tỉnh; trường đào tạo, bồi dưỡng của cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, lực lượng vũ trang nhân dân với điều kiện cơ sở giáo dục được liên kết đào tạo bảo đảm các yêu cầu về môi trường sư phạm, cơ sở vật chất, thiết bị, thư viện và cán bộ quản lý theo yêu cầu của chương trình đào tạo. Không thực hiện liên kết đào tạo đối với các ngành đào tạo bác sĩ.”.

22. Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 47 như sau:

“1. Học viên học hết chương trình trung học cơ sở có đủ điều kiện theo quy định của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo thì được cấp bằng tốt nghiệp trung học cơ sở.

Học viên học hết chương trình trung học phổ thông có đủ điều kiện theo quy định của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo được dự thi, nếu đạt yêu cầu thì được cấp bằng tốt nghiệp trung học phổ thông.

Học viên hoàn thành chương trình đào tạo, đạt chuẩn đầu ra của một trình độ đào tạo theo quy định của Khung trình độ quốc gia thì được cấp bằng tương ứng với trình độ đào tạo.

Thẩm quyền cấp văn bằng giáo dục thường xuyên được quy định như thẩm quyền cấp văn bằng giáo dục quy định tại Điều 31 của Luật này và quy định của Luật giáo dục nghề nghiệp, Luật giáo dục đại học.”.

23. Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 48 như sau:

“1. Nhà trường trong hệ thống giáo dục quốc dân được tổ chức theo các loại hình sau đây:

a) Trường công lập do Nhà nước đầu tư thành lập và đảm bảo điều kiện hoạt động theo quy định của pháp luật.

b) Trường ngoài công lập:

- Trường tư thục do nhà đầu tư trong nước thành lập và đảm bảo điều kiện hoạt động theo quy định của pháp luật.

- Trường dân lập đối với giáo dục mầm non do cộng đồng dân cư ở cơ sở thành lập, đầu tư xây dựng cơ sở vật chất và đảm bảo điều kiện hoạt động theo

quy định của pháp luật;

- Trường có vốn đầu tư nước ngoài do nhà đầu tư nước ngoài đầu tư toàn bộ hoặc góp vốn để thành lập và đảm bảo điều kiện hoạt động theo quy định của pháp luật.

- Trường tư thục và trường có vốn đầu tư nước ngoài hoạt động không vì lợi nhuận là cơ sở giáo dục mà các nhà đầu tư cam kết: hoạt động không vì lợi nhuận, không rút vốn, không hưởng lợi tức, phần lợi nhuận tích lũy hằng năm thuộc sở hữu chung hợp nhất không phân chia để tiếp tục đầu tư phát triển cơ sở giáo dục”.

24. Sửa đổi, bổ sung khoản 4 Điều 50 như sau:

“4. Chính phủ quy định cụ thể điều kiện thành lập, cho phép hoạt động giáo dục đối với nhà trường ở các cấp học và trình độ đào tạo.”.

25. Sửa đổi, bổ sung điểm a và điểm b khoản 1 và khoản 4 Điều 51 như sau:

a) Sửa đổi, bổ sung điểm a và điểm b khoản 1 như sau:

“a) Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định đối với trường mầm non, trường mẫu giáo, trường tiểu học, trường trung học cơ sở, trường phổ thông dân tộc bán trú;

b) Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định đối với trường trung học phổ thông, trường phổ thông dân tộc nội trú, trường trung cấp thuộc tỉnh, trung tâm giáo dục thường xuyên thuộc tỉnh”.

b) Sửa đổi, bổ sung khoản 4 như sau:

“4. Chính phủ quy định cụ thể thủ tục thành lập, cho phép thành lập, cho phép hoạt động giáo dục, đình chỉ hoạt động giáo dục, sáp nhập, chia, tách, giải thể nhà trường ở các cấp học và trình độ đào tạo.”.

26. Sửa đổi, bổ sung khoản 1 và khoản 3 Điều 52 như sau:

“1. Cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông, nghề nghiệp được tổ chức và hoạt động theo quy định của Luật này và điều lệ nhà trường.

3. Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo, Thủ trưởng cơ quan quản lý nhà nước về giáo dục nghề nghiệp ở trung ương ban hành điều lệ nhà trường ở các cấp học theo thẩm quyền.”.

27. Sửa đổi, bổ sung Điều 53 như sau:

“Điều 53. Hội đồng trường, hội đồng quản trị

1. Hội đồng trường được tổ chức ở cơ sở giáo dục công lập là tổ chức quản trị, đại diện cho quyền sở hữu nhà nước và các bên có lợi ích liên quan, có nhiệm vụ, quyền hạn sau đây:

a) Hội đồng trường đối với cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông quyết định về phương hướng hoạt động của nhà trường, huy động và giám sát việc sử dụng các nguồn lực dành cho nhà trường, gắn nhà trường với cộng đồng và xã hội, đảm bảo thực hiện mục tiêu giáo dục.

b) Hội đồng trường đối với cơ sở cơ sở giáo dục đại học:

- Quyết nghị chiến lược, kế hoạch phát triển; phương hướng hoạt động đào tạo, khoa học và công nghệ, hợp tác quốc tế, bảo đảm chất lượng giáo dục;

- Quyết nghị về cơ cấu tổ chức, nhân sự của nhà trường; quyết nghị về quy chế tổ chức và hoạt động của nhà trường để trình cấp có thẩm quyền phê duyệt;

- Quyết nghị chủ trương về tài chính, tài sản của nhà trường;

- Giám sát việc thực hiện các nghị quyết của hội đồng trường, việc tuân thủ pháp luật, thực hiện quy chế dân chủ trong các hoạt động của nhà trường;

- Chịu trách nhiệm trước pháp luật, trước cơ quan quản lý có thẩm quyền và các bên liên quan về các quyết nghị, quyết định của hội đồng trường và những tác động tới xã hội và lợi ích của các bên liên quan;

- Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

2. Hội đồng quản trị được thành lập ở cơ sở giáo dục ngoài công lập là tổ chức đại diện cho các thành viên góp vốn, có nhiệm vụ, quyền hạn sau đây:

a) Tổ chức thực hiện các quyết nghị của đại hội đồng cổ đông; quyết nghị chiến lược, kế hoạch phát triển; phương hướng hoạt động đào tạo, khoa học và công nghệ, hợp tác quốc tế, bảo đảm chất lượng giáo dục;

b) Quyết nghị phương hướng hoạt động đào tạo, khoa học và công nghệ, hợp tác quốc tế, bảo đảm chất lượng giáo dục;

c) Quyết nghị những vấn đề về cơ cấu tổ chức, nhân sự, tài chính, tài sản và phương hướng đầu tư phát triển của nhà trường; quyết nghị về việc bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm, cách chức hiệu trưởng;

d) Quyết nghị ban hành, sửa đổi, bổ sung quy chế tổ chức và hoạt động của

cơ sở giáo dục sau khi đã được đại hội đồng cổ đông thông qua;

đ) Giám sát việc thực hiện các nghị quyết của hội đồng quản trị, việc thực hiện quy chế dân chủ trong các hoạt động của nhà trường.

e) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

3. Hội đồng quản trị của trường tư thực hoạt động không vì lợi nhuận là tổ chức đại diện cho các thành viên góp vốn, cộng đồng nhà trường và cộng đồng xã hội; là cơ quan quyền lực của trường thực hiện các nhiệm vụ và quyền hạn quy định tại các điểm a, b, c, d, đ và e của khoản 2 Điều này và các nhiệm vụ, quyền hạn sau:

a) Quyết định thông qua các hợp đồng có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của trường nếu quy chế tổ chức và hoạt động của trường không quy định một tỷ lệ hoặc một giá trị khác;

b) Quyết định ban hành, sửa đổi, bổ sung quy chế tổ chức và hoạt động của trường;

c) Thông qua báo cáo tài chính hằng năm của nhà trường;

d) Xem xét và xử lý các vi phạm của hiệu trưởng gây thiệt hại cho trường;

đ) Quyết định tổ chức lại nhà trường;

e) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

4. Thủ tục thành lập, cơ cấu tổ chức, quyền hạn và nhiệm vụ cụ thể của hội đồng trường, hội đồng quản trị đối với cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông được quy định trong điều lệ nhà trường. Thủ tục thành lập, cơ cấu tổ chức, quyền hạn và nhiệm vụ cụ thể của hội đồng trường đối với cơ sở giáo dục đại học được quy định trong Luật Giáo dục đại học.”

28. Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 54 như sau:

“2. Hiệu trưởng các trường thuộc hệ thống giáo dục quốc dân phải được đào tạo, bồi dưỡng về nghiệp vụ quản lý trường học và đạt chuẩn hiệu trưởng theo quy định của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo và Thủ trưởng cơ quan quản lý nhà nước về giáo dục nghề nghiệp theo thẩm quyền”.

29. Sửa đổi, bổ sung Điều 58 như sau:

“Điều 58. Nhiệm vụ và quyền hạn của nhà trường

Nhà trường có những nhiệm vụ và quyền hạn sau đây:

1. Công bố công khai mục tiêu, chương trình giáo dục, các điều kiện đảm bảo chất lượng giáo dục, kết quả đánh giá và kiểm định chất lượng giáo dục và hệ thống văn bằng, chứng chỉ của nhà trường;

2. Tổ chức tuyển sinh, chăm sóc, giáo dục, đào tạo, nghiên cứu khoa học, chuyển giao kết quả đào tạo và nghiên cứu khoa học phù hợp với chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn; xác nhận hoặc cấp văn bằng, chứng chỉ theo thẩm quyền;

3. Tổ chức tuyển dụng, quản lý, sử dụng nhà giáo, nhân viên và quản lý người học;

4. Huy động, quản lý, sử dụng các nguồn lực theo quy định của pháp luật; xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật theo yêu cầu chuẩn hóa, hiện đại hóa;

5. Phối hợp với gia đình người học, tổ chức, cá nhân trong hoạt động giáo dục; tổ chức cho nhà giáo, nhân viên và người học tham gia các hoạt động xã hội, phục vụ cộng đồng;

6. Các nhiệm vụ và quyền hạn khác theo quy định của pháp luật.”.

30. Sửa đổi, bổ sung Điều 66 như sau:

“Điều 66. Chế độ tài chính

1. Trường ngoài công lập hoạt động theo nguyên tắc tự chủ về tài chính, thực hiện các quy định của pháp luật về chế độ kế toán, kiểm toán.

2. Thu nhập của trường ngoài công lập được dùng để chi cho các hoạt động của nhà trường, thực hiện nghĩa vụ đối với ngân sách nhà nước, thiết lập quỹ đầu tư phát triển và các quỹ khác của nhà trường. Thu nhập còn lại của trường ngoài công lập được phân chia cho các thành viên góp vốn theo tỷ lệ vốn góp.”.

31. Sửa đổi, bổ sung Điều 67 như sau:

“Điều 67. Quyền sở hữu tài sản, rút vốn và chuyển nhượng vốn

1. Tài sản, tài chính của trường ngoài công lập thuộc sở hữu của pháp nhân nhà trường.

Tài sản, tài chính của trường ngoài công lập được Nhà nước bảo hộ theo quy định của pháp luật.

2. Tài sản thuộc sở hữu của trường tư thực được hình thành từ vốn góp của các thành viên, được xác định bằng biên bản góp vốn của các thành viên góp vốn và ghi trong điều lệ nhà trường.

Các thành viên góp vốn có trách nhiệm chuyển quyền sở hữu phần tài sản góp vốn cho nhà trường theo quy định.

3. Việc rút vốn, chuyển nhượng vốn đối với trường ngoài công lập được thực hiện theo quy định của Chính phủ, bảo đảm sự ổn định và phát triển của nhà trường.”.

32. Sửa đổi, bổ sung Điều 68 như sau:

“Điều 68. Chính sách ưu đãi

Trường ngoài công lập được Nhà nước giao hoặc cho thuê đất, giao hoặc cho thuê cơ sở vật chất, hỗ trợ ngân sách khi thực hiện nhiệm vụ do Nhà nước giao theo đơn đặt hàng, được hưởng các chính sách ưu đãi về thuế và tín dụng; được Nhà nước bảo đảm kinh phí để thực hiện chính sách đối với người học quy định tại Điều 89 của Luật này.

Chính phủ quy định cụ thể chính sách ưu đãi đối với trường ngoài công lập.

33. Sửa đổi, bổ sung Điều 69 như sau:

“Điều 69. Các cơ sở giáo dục khác

1. Cơ sở giáo dục khác thuộc hệ thống giáo dục quốc dân bao gồm:

a) Nhóm trẻ độc lập, lớp mẫu giáo độc lập, nhóm lớp mầm non độc lập; lớp xóa mù chữ, lớp ngoại ngữ, lớp tin học, lớp dành cho trẻ em có hoàn cảnh khó khăn không có điều kiện đi học ở trường, lớp dành cho trẻ khuyết tật, lớp đào tạo nghề được tổ chức tại các cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ;

b) Trung tâm giáo dục thường xuyên; trung tâm giáo dục - dạy nghề; trung tâm học tập cộng đồng; trung tâm ngoại ngữ, tin học;

c) Viện nghiên cứu do Thủ tướng Chính phủ thành lập được phép đào tạo trình độ tiến sĩ.

2. Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo theo thẩm quyền quy định thẩm quyền thành lập cơ sở giáo dục khác quy định tại điểm a khoản 1 Điều này; ban hành quy chế tổ chức và hoạt động của các cơ sở giáo dục khác quy định tại điểm b khoản 1 Điều này; quy định nguyên tắc tổ chức và hoạt động của các cơ sở giáo dục khác quy định tại điểm a khoản 1 Điều này.

34. Sửa đổi, bổ sung Điều 70 như sau:

“Điều 70. Nhà giáo

1. Nhà giáo giữ vai trò quyết định trong việc bảo đảm chất lượng giáo dục. Nhà giáo phải đạt chuẩn theo quy định, không ngừng học tập, rèn luyện, nêu gương tốt cho người học; giữ gìn và phát huy truyền thống quý trọng nhà giáo, tôn vinh nghề dạy học.

2. Nhà giáo là người làm nhiệm vụ giảng dạy, giáo dục trong nhà trường và cơ sở giáo dục khác.

3. Nhà giáo phải có những tiêu chuẩn sau đây:

- a) Phẩm chất, đạo đức, tư tưởng tốt;
- b) Đạt chuẩn nghề nghiệp theo quy định;
- c) Đủ sức khỏe theo yêu cầu nghề nghiệp;
- d) Lý lịch bản thân rõ ràng.

4. Nhà giáo giảng dạy ở cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông, giáo dục nghề nghiệp trình độ sơ cấp, trung cấp và cơ sở giáo dục khác gọi là giáo viên. Nhà giáo giảng dạy trong các cơ sở giáo dục đại học gọi là giảng viên.”.

35. Sửa đổi, bổ sung Điều 71 như sau:

“Điều 71. Giáo sư, phó giáo sư

Giáo sư, phó giáo sư là chức danh của nhà giáo đang giảng dạy, nghiên cứu khoa học ở cơ sở giáo dục đại học.

Thủ tướng Chính phủ quy định tiêu chuẩn, thủ tục bổ nhiệm, miễn nhiệm chức danh giáo sư, phó giáo sư.”.

36. Sửa đổi, bổ sung khoản 1 và 5 Điều 73 như sau:

“1. Được giảng dạy theo chuyên môn đào tạo.

5. Được nghỉ hè theo quy định của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo và các ngày nghỉ khác theo quy định của pháp luật.”.

37. Sửa đổi, bổ sung điểm a, b và điểm e khoản 1 Điều 77 như sau:

“a) Có bằng trung cấp sư phạm đối với giáo viên mầm non; có bằng cử nhân sư phạm đối với giáo viên tiểu học.

b) Có bằng cử nhân sư phạm hoặc có bằng cử nhân và có chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm đối với giáo viên trung học cơ sở;

e) Có bằng thạc sĩ đối với nhà giáo giảng dạy trình độ đại học; có bằng tiến

sĩ với nhà giáo giảng dạy, hướng dẫn luận văn thạc sĩ, hướng dẫn luận án tiến sĩ.”

38. Sửa đổi, bổ sung Điều 79 như sau:

“Điều 79. Nhà giáo của cơ sở giáo dục đại học

Nhà giáo của cơ sở giáo dục đại học được ưu tiên tuyển dụng theo quy định tại Điều 54 của Luật giáo dục đại học.”

39. Sửa đổi, bổ sung Điều 80 như sau:

“Điều 80. Bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ

Nhà nước có chính sách để nhà giáo được bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ, nâng cao trình độ và đạt chuẩn nhà giáo.

Nhà giáo được cử đi học nâng cao trình độ, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ được hưởng lương và phụ cấp theo quy định của Chính phủ.

Các cơ sở giáo dục có trách nhiệm tạo điều kiện để nhà giáo được đào tạo, bồi dưỡng đạt chuẩn theo quy định.

Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định về chuẩn nghề nghiệp nhà giáo.”

40. Sửa đổi, bổ sung điểm a khoản 1 Điều 84 như sau:

“a) Được chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục theo Chương trình giáo dục mầm non do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành”.

41. Bổ sung khoản 4 vào Điều 88 như sau:

“4. Các hành vi khác theo quy định của pháp luật và nội quy của nhà trường”.

42. Sửa đổi, bổ sung khoản 3 Điều 89 như sau:

“3. Học sinh, sinh viên sư phạm được vay tín dụng sư phạm để đóng học phí và chi trả sinh hoạt phí trong toàn khóa học; được hưởng các chính sách học bổng khuyến khích học tập, các chế độ miễn, giảm học phí và trợ cấp xã hội quy định. Sau khi tốt nghiệp, nếu công tác trong ngành giáo dục đủ thời gian theo quy định sẽ không phải trả khoản vay tín dụng sư phạm.

Chính phủ quy định cụ thể chế độ tín dụng sư phạm và chính sách bồi hoàn kinh phí đối với học sinh, sinh viên sư phạm.”

43. Sửa đổi, bổ sung Điều 96 như sau:

“Điều 96. Ban đại diện cha mẹ học sinh, trẻ mầm non

Ban đại diện cha mẹ học sinh, trẻ mầm non được tổ chức trong mỗi năm học ở giáo dục phổ thông và giáo dục mầm non, do cha mẹ hoặc người giám hộ học sinh, trẻ mầm non từng lớp, từng trường cử ra để phối hợp với nhà trường trong việc chăm sóc, giáo dục.

Không tổ chức ban đại diện cha mẹ học sinh, trẻ mầm non liên trường và ở các cấp hành chính”.

44. Sửa đổi, bổ sung Điều 99 như sau:

“Điều 99. Nội dung quản lý nhà nước về giáo dục

1. Nhà nước thống nhất quản lý hệ thống giáo dục quốc dân về mục tiêu, chương trình, nội dung, kế hoạch giáo dục; cơ sở giáo dục, tiêu chuẩn nhà giáo, tiêu chuẩn cán bộ quản lý giáo dục, quy chế thi cử, hệ thống văn bằng, chứng chỉ; tập trung quản lý chất lượng giáo dục, công tác giám sát, kiểm tra, thanh tra cơ sở giáo dục, thực hiện phân công, phân cấp quản lý giáo dục, tăng cường quyền tự chủ và trách nhiệm giải trình của cơ sở giáo dục.

2. Nội dung quản lý nhà nước về giáo dục bao gồm:

a) Xây dựng và chỉ đạo thực hiện chiến lược, quy hoạch, kế hoạch, chính sách phát triển giáo dục.

b) Ban hành và tổ chức thực hiện văn bản quy phạm pháp luật về giáo dục; ban hành điều lệ nhà trường; điều lệ ban đại diện cha mẹ học sinh, ban hành quy định về tổ chức và hoạt động của cơ sở giáo dục khác, quy định hoạt động dạy học và giáo dục trong và ngoài nhà trường”.

c) Quy định mục tiêu, chương trình, nội dung giáo dục; khung trình độ quốc gia; tiêu chuẩn nhà giáo; tiêu chuẩn, định mức sử dụng cơ sở vật chất và thiết bị trường học; việc biên soạn, xuất bản, in và phát hành sách giáo khoa, giáo trình; quy chế thi cử và cấp văn bằng, chứng chỉ; quy định trình tự, thủ tục công nhận văn bằng của người Việt Nam do cơ sở giáo dục nước ngoài cấp.”.

d) Tổ chức, quản lý việc bảo đảm chất lượng giáo dục và kiểm định chất lượng giáo dục.

đ) Thực hiện công tác thống kê, thông tin về tổ chức và hoạt động giáo dục.

e) Cơ sở giáo dục và tổ chức bộ máy quản lý giáo dục.

g) Tổ chức, chỉ đạo việc đào tạo, bồi dưỡng, quản lý nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục.

h) Huy động, quản lý, sử dụng các nguồn lực để phát triển sự nghiệp giáo dục.

i) Tổ chức, quản lý công tác nghiên cứu, ứng dụng khoa học, công nghệ trong lĩnh vực giáo dục.

k) Tổ chức, quản lý công tác hợp tác quốc tế về giáo dục.”.

45. Sửa đổi, bổ sung khoản 4 Điều 100 như sau:

“4. Ủy ban nhân dân các cấp trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình thực hiện quản lý nhà nước về giáo dục theo phân cấp của Chính phủ, trong đó có kiểm tra việc chấp hành pháp luật về giáo dục của các cơ sở giáo dục trên địa bàn; có trách nhiệm bảo đảm các điều kiện về đội ngũ nhà giáo, tài chính, cơ sở vật chất, thiết bị dạy học của các trường công lập thuộc phạm vi quản lý; phát triển các loại hình trường, thực hiện xã hội hóa giáo dục; bảo đảm đáp ứng yêu cầu mở rộng quy mô, nâng cao chất lượng và hiệu quả giáo dục tại địa phương; chịu trách nhiệm về chất lượng, hiệu quả giáo dục của địa phương.”.

46. Sửa đổi, bổ sung Điều 101 như sau:

“Điều 101. Đầu tư và các nguồn tài chính đầu tư cho giáo dục

1. Đầu tư cho giáo dục

Đầu tư cho giáo dục là đầu tư phát triển, là hoạt động đặc thù thuộc lĩnh vực đầu tư có điều kiện và được ưu đãi theo quy định của pháp luật.

Nhà nước ưu tiên đầu tư cho phổ cập giáo dục, phát triển giáo dục ở khu vực miền núi, hải đảo, vùng đồng bào dân tộc thiểu số và vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn; khuyến khích phát triển giáo dục chất lượng cao.

Nhà nước khuyến khích và bảo hộ các quyền, lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân trong nước, người Việt Nam định cư ở nước ngoài, tổ chức, cá nhân nước ngoài đầu tư cho giáo dục.

Ngân sách nhà nước phải giữ vai trò chủ yếu trong tổng nguồn lực đầu tư cho giáo dục.”.

2. Các nguồn tài chính đầu tư cho giáo dục bao gồm:

a) Ngân sách nhà nước.

b) Học phí; các khoản thu từ hoạt động tư vấn, chuyển giao công nghệ, sản xuất, kinh doanh, dịch vụ của các cơ sở giáo dục; đầu tư của các tổ chức, cá nhân trong nước và nước ngoài để phát triển giáo dục; các khoản tài trợ khác của tổ chức, cá nhân trong nước và nước ngoài theo quy định của pháp luật.

Nhà nước khuyến khích các tổ chức, cá nhân tài trợ, ủng hộ để phát triển sự nghiệp giáo dục. Không được lợi dụng việc tài trợ, ủng hộ cho giáo dục để ép buộc đóng góp tiền hoặc hiện vật.”.

47. Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 104 như sau:

“1. Nhà nước khuyến khích, tạo điều kiện cho tổ chức, cá nhân đầu tư, đóng góp trí tuệ, công sức, tài sản cho giáo dục; phần lợi nhuận không chia để tái đầu tư phát triển cơ sở giáo dục được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp .

48. Sửa đổi, bổ sung Điều 105 như sau:

“Điều 105. Học phí

1. Học phí là khoản tiền mà người học hoặc gia đình người học phải nộp để chi trả một phần hoặc toàn bộ chi phí của dịch vụ giáo dục, đào tạo. Học sinh tiểu học trường công lập không phải nộp học phí. Mức thu học phí được xác định theo cơ chế giá dịch vụ giáo dục, đào tạo .

2. Giá dịch vụ giáo dục đào tạo là toàn bộ chi phí tiền lương, chi phí trực tiếp, chi phí quản lý, chi phí khấu hao tài sản cố định phục vụ trực tiếp và gián tiếp hoạt động giáo dục, đào tạo theo chương trình giáo dục đào tạo. Giá dịch vụ tuyển sinh là khoản tiền mà người dự tuyển phải nộp khi tham gia xét tuyển, thi tuyển sinh.

3. Chính phủ quy định cơ chế thu và sử dụng học phí đối với các cơ sở giáo dục công lập;

Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định cơ chế thu và sử dụng giá dịch vụ tuyển sinh đối với công tác tuyển sinh sau khi thống nhất với Bộ Tài chính; hướng dẫn phương pháp xây dựng giá dịch vụ giáo dục, đào tạo đối với cơ sở giáo dục do trung ương quản lý.

Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quy định khung học phí hoặc mức học phí cụ thể và các khoản thu dịch vụ khác (nếu có) đối với các cơ sở giáo dục công lập theo thẩm quyền quản lý nhà nước về giáo dục và đào tạo trên cơ sở đề nghị của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quy định cơ chế thu và sử dụng giá dịch vụ tuyển sinh các cấp học do địa phương quản lý sau khi được Hội đồng nhân dân cấp tỉnh thông qua.

Cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông công lập cung cấp dịch vụ giáo dục chất lượng cao được chủ động xây dựng mức thu học phí tương xứng với chất lượng giáo dục, trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt.

Cơ sở giáo dục đại học thực hiện chương trình chất lượng cao được thu học phí tương xứng với chất lượng đào tạo, đảm bảo bù đắp chi phí sau khi được Bộ Giáo dục và Đào tạo phê duyệt.

Cơ sở giáo dục ngoài công lập được quyền chủ động xây dựng mức thu học phí và các dịch vụ khác đảm bảo bù đắp chi phí và có tích lũy hợp lý. Thực hiện công khai chi phí đào tạo và mức thu theo cam kết trong đề án thành lập trường, công khai cho từng khóa học, cấp học, từng năm học theo quy định.”.

49. Sửa đổi, bổ sung Điều 110 như sau:

“Điều 110. Công nhận văn bằng nước ngoài

1. Văn bằng của người Việt Nam do cơ sở giáo dục nước ngoài cấp được công nhận trong các trường hợp sau đây:

a) Văn bằng được cấp bởi các cơ sở giáo dục phổ thông, cơ sở giáo dục đại học ở nước ngoài mà các chương trình giáo dục đã được cơ quan kiểm định chất lượng giáo dục của nước đó công nhận hoặc được cơ quan có thẩm quyền về giáo dục của nước đó cho phép thành lập và được phép cấp bằng, đồng thời việc thực hiện chương trình đào tạo đó phải tuân thủ quy định tại Khung trình độ quốc gia hoặc Hệ thống giáo dục của nước cấp bằng;

b) Văn bằng được cấp bởi cơ sở giáo dục nước ngoài đang hoạt động hợp pháp tại Việt Nam, thực hiện hoạt động giáo dục theo quy định trong giấy phép và đáp ứng quy định tại điểm a khoản 1 Điều này.

2. Những trường hợp sau đây không phải làm thủ tục công nhận văn bằng:

a) Văn bằng do cơ sở giáo dục nước ngoài cấp cho người học toàn thời gian tại nước đó thuộc phạm vi áp dụng của hiệp định về tương đương văn bằng hoặc công nhận lẫn nhau về văn bằng hoặc Điều ước quốc tế có liên quan đến văn bằng mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên được công nhận khi đáp ứng quy định tại điểm a khoản 1 Điều này;

b) Văn bằng do cơ sở giáo dục nước ngoài cấp cho người học được các bộ và cơ quan ngang bộ cử đi học bằng ngân sách nhà nước hoặc theo các chương trình học bổng hiệp định mà chính phủ các nước cấp cho công dân Việt Nam đáp ứng quy định tại điểm a khoản 1 Điều này.

3. Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo theo thẩm quyền ký Điều ước quốc tế về tương đương văn bằng hoặc công nhận lẫn nhau về văn bằng với các nước, các tổ chức quốc tế và các chủ thể khác của pháp luật quốc tế; quy định cụ thể về điều kiện, trình tự, thủ tục công nhận văn bằng của người Việt Nam do cơ sở giáo dục nước ngoài cấp”.

50. Sửa đổi, bổ sung Điều 110a như sau:

“Điều 110a. Nội dung quản lý nhà nước về kiểm định chất lượng giáo dục

1. Kiểm định chất lượng giáo dục nhằm xác định mức độ thực hiện mục tiêu, chương trình, nội dung giáo dục đối với nhà trường và cơ sở giáo dục khác. Việc kiểm định chất lượng giáo dục được thực hiện định kỳ trong phạm vi cả nước và đối với từng cơ sở giáo dục. Kết quả kiểm định chất lượng giáo dục được công bố công khai để xã hội biết và giám sát.

2. Nội dung quản lý nhà nước về kiểm định chất lượng giáo dục

a) Ban hành quy định về tiêu chuẩn đánh giá chất lượng giáo dục; quy trình và chu kỳ kiểm định chất lượng giáo dục ở từng cấp học và trình độ đào tạo; nguyên tắc hoạt động, điều kiện và tiêu chuẩn của tổ chức, cá nhân hoạt động kiểm định chất lượng giáo dục; cấp phép hoạt động kiểm định chất lượng giáo dục; cấp, thu hồi giấy chứng nhận kiểm định chất lượng giáo dục.

b) Quản lý hoạt động kiểm định chương trình giáo dục và kiểm định cơ sở giáo dục.

c) Hướng dẫn các tổ chức, cá nhân và cơ sở giáo dục thực hiện đánh giá, kiểm định chất lượng giáo dục.

d) Kiểm tra, đánh giá việc thực hiện các quy định về kiểm định chất lượng giáo dục.”.

51. Bổ sung khoản 3 vào Điều 110b như sau:

“3. Bình đẳng, bắt buộc, định kỳ.”.

52. Sửa đổi, bổ sung Điều 110c như sau:

“Điều 110c. Tổ chức kiểm định chất lượng giáo dục

1. Tổ chức kiểm định chất lượng giáo dục bao gồm:

a) Tổ chức kiểm định chất lượng giáo dục do Nhà nước thành lập;

b) Tổ chức kiểm định chất lượng giáo dục do tổ chức, cá nhân trong nước và nước ngoài thành lập.

c) Tổ chức kiểm định chất lượng giáo dục của nước ngoài.

2. Chính phủ quy định điều kiện, thủ tục thành lập, việc cho phép hoạt động, giải thể tổ chức kiểm định chất lượng giáo dục; quy định điều kiện và thủ tục để tổ chức kiểm định nước ngoài được công nhận hoạt động tại Việt Nam.

Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quyết định thành lập hoặc cho phép thành lập, cho phép hoạt động, đình chỉ hoạt động, giải thể tổ chức kiểm định chất lượng giáo dục; quy định nhiệm vụ, quyền hạn của tổ chức kiểm định chất lượng giáo dục; quy định về hệ thống, tiêu chuẩn, quy trình đánh giá đối với tổ chức kiểm định chất lượng giáo dục; công nhận tổ chức kiểm định chất lượng giáo dục nước ngoài hoạt động ở Việt Nam.”.

53. Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 113 như sau:

“2. Hoạt động thanh tra giáo dục được thực hiện theo quy định của pháp luật về thanh tra.

Hoạt động thanh tra giáo dục trong cơ sở giáo dục nghề nghiệp, cơ sở giáo dục đại học do hiệu trưởng trực tiếp phụ trách theo quy định của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo, Thủ trưởng cơ quan quản lý nhà nước về giáo dục nghề nghiệp ở trung ương.”.

54. Bổ sung Điều 119a sau Điều 119 như sau:

“Điều 119a. Quy định chuyển tiếp

1. Các quy định của Luật này về trình độ chuẩn của giáo viên tiểu học, trung học cơ sở, giảng viên giảng dạy trình độ đại học, thạc sĩ quy định tại điểm a, b và e khoản 1 Điều 77 có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2026.

Chính phủ quy định lộ trình thực hiện việc chuẩn hóa đối với nhà giáo quy định tại điểm a, b và e khoản 1 Điều 77.

2. Học sinh, sinh viên sư phạm, người theo học các khóa đào tạo nghiệp vụ

sư phạm tuyển sinh trước khi Luật này có hiệu lực, tiếp tục thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 89 của Luật giáo dục số 38/2005/QH12 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 44/2009/QH12.”

Điều 2. Thay thế một số cụm từ; bãi bỏ một số Điều, cụm từ tại một số điều, khoản của Luật giáo dục số 38/2005/QH12 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 44/2009/QH12

1. Thay thế cụm từ “tự chịu trách nhiệm” bằng cụm từ “trách nhiệm giải trình” tại Điều 65; cụm từ “theo hiệp định ký kết với Nhà nước” bằng cụm từ “theo điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên” tại Điều 87.

2. Bãi bỏ một số điều và cụm từ như sau:

a) Bãi bỏ Điều 13, Điều 14, Điều 15, Điều 17, Điều 40, Điều 41, Điều 42, Điều 43, Điều 59, Điều 60;

b) Bãi bỏ cụm từ “tàn tật” tại Điều 10, khoản 2 Điều 26, Điều 63, khoản 1 Điều 82, khoản 1 khoản 2 Điều 89.

Điều 3. Hiệu lực thi hành

1. Luật này có hiệu lực thi hành từ ngày tháng năm 2019.

2. Chính phủ có trách nhiệm quy định chi tiết các điều, khoản được giao trong Luật.

Luật này đã được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa..., kỳ họp thứ thông qua ngày tháng 10 năm 2018 .

CHỦ TỊCH QUỐC HỘI

Nguyễn Thị Kim Ngân